

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ**

*Báo cáo tài chính*

*Cho thời kỳ tài chính từ 01/01/2016 đến 30/6/2016*



## MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán	1 - 2
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	4
4. Thuyết minh báo cáo tài chính	5 - 20

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	01/01/2016
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>149,187,848,439</b>	<b>178,113,092,693</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>		<b>486,147,112</b>	<b>9,837,279,245</b>
1. Tiền	111	V.01	486,147,112	9,837,279,245
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>		<b>136,318,411,568</b>	<b>152,934,476,721</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	1,009,843,330	31,110,620,043
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03a	25,415,787,965	14,907,622,282
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	112,021,266,467	105,929,250,935
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(3,579,298,655)	(463,829,000)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	1,450,812,461	1,450,812,461
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	V.07	<b>340,379,834</b>	<b>340,379,833</b>
1. Hàng tồn kho	141		340,379,834	340,379,833
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>12,042,909,925</b>	<b>15,000,956,893</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12a	24,798,934	12,333,334
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11,018,110,991	10,618,623,559
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14a	1,000,000,000	4,370,000,000
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>584,300,153,307</b>	<b>547,009,405,807</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>3,493,314,310</b>	<b>10,377,844,655</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03b	3,310,653,310	13,310,653,310
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	182,661,000	182,661,000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.06	-	(3,115,469,655)
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>1,318,063,902</b>	<b>1,459,159,704</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	1,318,063,902	1,459,159,704
- Nguyên giá	222		2,457,917,672	2,457,917,672
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1,139,853,770)	(998,757,968)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>230</b>		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<b>240</b>		<b>232,290,665,474</b>	<b>229,961,198,827</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	232,290,665,474	229,961,198,827
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>	V.10	<b>338,886,558,794</b>	<b>296,899,651,794</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		340,012,312,653	298,025,405,653
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1,125,753,859)	(1,125,753,859)
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		<b>8,311,550,827</b>	<b>8,311,550,827</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	8,311,550,827	8,311,550,827
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>733,488,001,746</b>	<b>725,122,498,500</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	01/01/2016
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>136,874,890,407</b>	<b>129,148,312,717</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>120,434,570,407</b>	<b>122,037,130,638</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	3,218,412,191	17,798,269,718
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13,582,827,687	8,273,178,800
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13b	21,357,621,965	23,740,853,096
4. Phải trả người lao động	314		317,389,702	658,902,580
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	59,527,004,444	56,275,541,983
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	18,051,574,418	13,636,472,461
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	4,379,740,000	1,653,912,000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>16,440,320,000</b>	<b>7,111,182,079</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	16,440,320,000	7,111,182,079
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	V.17	<b>596,613,111,339</b>	<b>595,974,185,784</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>596,613,111,339</b>	<b>595,974,185,784</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		576,800,000,000	576,800,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		576,800,000,000	576,800,000,000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19,813,111,339	19,174,185,784
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19,174,185,784	9,409,298,925
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		638,925,555	9,764,886,859
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>733,488,001,746</b>	<b>725,122,498,500</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Lê Thị Mai Chi  
 Người lập biểu

Trần Thanh Sơn  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng  
 Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 7 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/04/2016 đến 30/6/2016

Đơn vị tính: VND

MẪU B 02-DN  
 Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm 2016	Năm 2015	Quý 2/2016	Quý 2/2015
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	1,980,000,000	22,529,300,046	8,280,000,000	54,025,995,388
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,980,000,000	22,529,300,046	8,280,000,000	54,025,995,388
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	20,550,000	(3,138,698,197)	3,272,012,462	19,458,492,452
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1,959,450,000	25,667,998,243	5,007,987,538	34,567,502,936
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1,540,432	62,165,688	3,863,363	122,641,793
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	119,614,155	1,151,573,914	219,451,432	1,371,537,377
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		140,683,840	796,068,022	140,683,840	796,068,022
8.	Chi phí bán hàng	25		-	1,212,723,040	-	1,212,723,040
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	1,532,135,631	4,494,512,231	3,983,742,524	6,270,440,182
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		309,240,645	18,871,354,745	808,656,944	25,835,444,129
11.	Thu nhập khác	31		-	29,938,902	-	29,938,902
12.	Chi phí khác	32		(81,624,999)	16,027,821,455	10,000,000	16,221,231,374
13.	Lợi nhuận khác / (lỗ)	40		81,624,999	(15,997,882,553)	(10,000,000)	(16,191,292,472)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		390,865,644	2,873,472,192	798,656,944	9,644,151,657
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	78,173,129	2,200,366,522	159,731,389	3,791,988,634
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		312,692,515	673,105,669	638,925,555	5,852,163,022
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10			221	414
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

\*Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Lê Thị Mai Chi  
 Người lập biểu

Trần Thanh Sơn  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 19 tháng 7 năm 2016

11/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

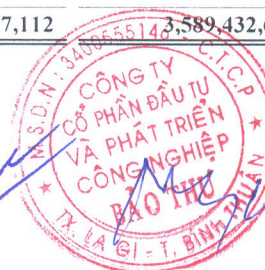
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>798,656,944</b>	<b>9,644,151,657</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	141,095,802	328,860,386
Các khoản dự phòng	03	-	2,683,308,095
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3,863,363)	(122,641,793)
Chi phí lãi vay	06	140,683,840	796,068,022
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>1,076,573,223</b>	<b>13,329,746,367</b>
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	26,471,108,066	(58,451,316,666)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	-	(6,408,783,803)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1,118,119,619)	106,504,761,182
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(12,465,600)	(7,254,306,957)
Tiền lãi vay đã trả	14	(140,683,840)	(772,758,183)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3,370,000,000)	(4,504,223,104)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>22,906,412,230</b>	<b>42,443,118,837</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2,329,466,646)	(28,533,726,245)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(41,986,907,000)	(6,227,200,000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3,863,363	122,641,793
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(44,312,510,284)</b>	<b>(34,638,284,452)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	20,165,100,000	2,363,407,648
Tiền trả nợ gốc vay	34	(8,110,134,079)	(7,593,456,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>12,054,965,921</b>	<b>(5,230,048,352)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(9,351,132,133)</b>	<b>2,574,786,033</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9,837,279,245	1,014,646,642
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>486,147,112</b>	<b>3,589,432,675</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Lê Thị Mai Chi  
Người lập biểu

Trần Thanh Sơn  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 19 tháng 7 năm 2016

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THU

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

### 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Công nghiệp Bảo Thu ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 3400555146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 29/5/2008 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 17 ngày 02/10/2015.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là BII kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2014 theo Quyết định về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 467/QĐ-SGDHN ngày 29/8/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 576.800.000.000 đồng.

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Bao Thu Industrial Development and Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: BIDICO.

Trụ sở chính đặt tại: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Chi nhánh tại TP.HCM và Chi nhánh Đồng Nai.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác - sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác, chế biến khoáng sản); Bốc xếp hàng hóa; Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn gạo; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn tổng hợp; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Khai thác gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tẻ bện; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển; Nạo vét, khai thông luồng lạch); Bán buôn cao su, phân bón, hóa chất (trừ bán buôn thuốc BVTV); Bán buôn đá quý, đá bán quý, đá mỹ nghệ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Cho thuê xe có động cơ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (XD công trình đường bộ); Xây dựng công trình công ích (XD công trình thủy lợi); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn VLXD, vật liệu làm gốm sứ); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Đại lý vận tải biển); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (cho thuê MMTB xây dựng);

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn MMTB và phụ tùng máy khác (bán buôn MMTB và phụ tùng máy xe cơ giới; bán buôn thiết bị tàu thuyền); Đóng tàu và cấu kiện nổi (đóng tàu, sửa chữa tàu thuyền); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn thực phẩm (bán buôn thủy sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác (sản xuất cát, đá); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự); Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

- Đối với hoạt động xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp: trên 12 tháng
- Đối với hoạt động khác: trong vòng 12 tháng



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**5. Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh**

**Danh sách các Công ty con**

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Chế biến Cát BIDICO	CCN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV BĐS và XD Bình Thuận	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Xây dựng, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV Trồng trọt Công nghệ cao Đồng Nai	Số 242, hẻm 25, đường Võ Thị Sáu, khu 12, xã Long Đức, Long Thành, Đồng Nai	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV VLXD BIDICO	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV Pigment & Naô Titan Bình Thuận	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Khai thác, xây dựng, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Bình Thuận	Cụm CN Tân Bình, xã Tân Bình, thị xã Lagi, Bình Thuận	Khai thác, chế biến, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Gỗ Bình Thuận	Thôn Bàu Diên (Cụm CN Thắng Hải), xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH Địa ốc Tân Bửu	Tầng 18, tòa nhà Pegasus, đường Võ Thị Sáu, phường Quyết Thắng, TP Biên Hòa, Đồng Nai	Dịch vụ	94.34%	94.34%
Công ty TNHH Đầu tư Bảo Thư Gò Dầu	Số 50, đường số 02, KP Hưng Gia 5, phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	Xây dựng, dịch vụ	80.00%	80.00%
Công ty TNHH Nông sản Việt Xanh	Số 50, đường số 02, KP Hưng Gia 5, phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	Sản xuất, dịch vụ	52.00%	52.00%
Công ty TNHH Vận tải Thắng Hải	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Dịch vụ	52.00%	52.00%
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng WIBAWA Bảo Thư	A4-02 khu Nam Thiên 1, đường Phạm Thái Bường, phường Tân Phong, quận 7, TP.HCM	Xây dựng, khai thác, dịch vụ	52.00%	52.00%

**Danh sách các Công ty liên kết**

Công ty TNHH Titan Bình Thuận	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	28.00%	28.00%
-------------------------------	---	---	--------	--------

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. **Kỳ kế toán năm:** bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Trong năm tài chính 2015, Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 10 năm
Máy móc thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận tải	05 - 08 năm
Dụng cụ quản lý	03 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn thuê

### 5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

#### Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

#### Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

#### Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

+ Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ 6 trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phân ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ

Chi phí liên quan đến mở cát trắng Tân Phước chờ phân bổ

### 7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

### 8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

### 9. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh, trừ các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản khi đáp ứng đủ các điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

### 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

**Doanh thu bán hàng** được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp** được ghi nhận một lần khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Công ty cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

**Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia** của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Thu nhập khác:** bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

### 14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

### 15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

### 16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

#### Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí vận chuyển, chi phí khấu hao tài sản...

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phân ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

### 17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

### Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

### 18. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

## V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	30/6/2016	01/01/2016
Tiền mặt	-	166,421
Tiền gửi ngân hàng	(*) 486,147,112	9,837,112,824
<b>Cộng</b>	<b>486,147,112</b>	<b>9,837,279,245</b>

(\*) Trong đó, bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 455,34 USD tương đương 10.128.715 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	30/6/2016	01/01/2016
- Công ty Cát Ngọc Phát	447,000,000	250,000,000
- Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	-	28,614,120,000
- Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận (bên liên quan)	-	1,683,656,713
- Các khoản phải thu khách hàng khác	562,843,330	562,843,330
<b>Cộng</b>	<b>1,009,843,330</b>	<b>31,110,620,043</b>

3. Trả trước cho người bán	30/6/2016	01/01/2016
a) <b>Ngắn hạn</b>		
- Công ty TNHH MTV Cát Tường	14,453,437,611	9,947,616,840
- Công ty TNHH DV VT XD Á Châu	4,344,717,211	3,905,512,042
- Công ty TNHH MTV Tín Nguyên Toàn Cầu	2,999,999,999	-
- Công ty TNHH Vận tải và Xây lắp Phan Nguyễn	1,658,700,000	-
- Trả trước nhà cung cấp khác	1,958,933,144	1,054,493,400
<b>Cộng</b>	<b>25,415,787,965</b>	<b>14,907,622,282</b>

b) <b>Dài hạn</b>		
- Trung tâm Quy hoạch và Đầu tư Tài nguyên Nước	1,265,000,000	1,265,000,000
- Công ty TNHH Chế biến Zircon Bình Thuận	-	10,000,000,000
- Công ty TNHH SX SX TM Hoàng Thông	1,263,192,000	1,263,192,000
- Trả trước nhà cung cấp khác	782,461,310	782,461,310
<b>Cộng</b>	<b>3,310,653,310</b>	<b>13,310,653,310</b>

4. Phải thu khác	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) <b>Ngắn hạn</b>				
- Phải thu Công ty TNHH Năng lượng Xanh KSA liên quan đến khoản trả trước do không tiếp tục thực hiện hợp đồng	-	-	15,704,000,000	-
- Khoản ứng vốn đến Ông Phan Châu liên quan đến tiền mua đất mỏ cát Tân Hà	648,150,000	-	648,150,000	-
- Các khoản cho mượn tiền đến các tổ chức	3,563,169,398	-	2,060,801,033	-
- Các khoản cho mượn tiền và chỉ hộ cho các bên liên quan	15,205,852,249	-	2,217,192,225	-
- Các khoản cho mượn tiền đến các Cá nhân	518,000,000	-	209,000,000	-
- Ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn	53,600,000	-	53,600,000	-
- Các khoản tạm ứng	91,933,966,147	-	85,012,287,777	-
- Phải thu khác	98,528,673	-	24,219,900	-
<b>Cộng</b>	<b>112,021,266,467</b>	<b>-</b>	<b>105,929,250,935</b>	<b>-</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b) Dài hạn	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Ký quỹ, đặt cọc dài hạn	182,661,000	-	182,661,000	-
<b>Cộng</b>	<b>182,661,000</b>	<b>-</b>	<b>182,661,000</b>	<b>-</b>

5. Tài sản thiếu chờ xử lý	30/6/2016	01/01/2016
- Tài sản thiếu chờ xử lý liên quan đến khu cảng Lagi chưa được tập hợp đầy đủ hóa đơn, chứng từ (Thuyết minh tại mục V.9*)	<b>1,450,812,461</b>	<b>1,450,812,461</b>

6. Nợ xấu	30/6/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	463,829,000		TT Quy hoạch và ĐT Tài nguyên nước	463,829,000		TT quy hoạch và ĐT Tài nguyên nước
- Các khoản trả trước người bán quá hạn từ 1- 2 năm	390,367,310		Các đối tượng khác	390,367,310		Các đối tượng khác
	1,263,192,000		Công ty TNHH SX XD TM Hoàng Thông	1,263,192,000		Công ty TNHH SX XD TM Hoàng Thông
- Các khoản trả trước người bán quá hạn trên 3 năm	1,265,000,000		TT Quy hoạch và ĐT Tài nguyên nước	1,265,000,000		TT Quy hoạch và ĐT Tài nguyên nước
	392,094,000		Các đối tượng khác	392,094,000		Các đối tượng khác
<b>Cộng</b>	<b>3,774,482,310</b>	<b>-</b>		<b>3,774,482,310</b>	<b>-</b>	

7. Hàng tồn kho	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Thành phẩm	103,373,924	-	103,373,923	-
- Hàng hóa	237,005,910	-	237,005,910	-
<b>Cộng</b>	<b>340,379,834</b>	<b>-</b>	<b>340,379,833</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	908,444,944		1,549,472,728		2,457,917,672
Mua trong kỳ	-		-		-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>908,444,944</b>	<b>-</b>	<b>1,549,472,728</b>	<b>-</b>	<b>2,457,917,672</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	743,217,311		255,540,657		998,757,968
Khấu hao trong kỳ	27,640,309		113,455,493		141,095,802
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>770,857,620</b>	<b>-</b>	<b>368,996,150</b>	<b>-</b>	<b>1,139,853,770</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	165,227,633	-	1,293,932,071	-	1,459,159,704
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>137,587,324</b>	<b>-</b>	<b>1,180,476,578</b>	<b>-</b>	<b>1,318,063,902</b>

Tại ngày 30/6/2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.213.703.472 đồng (nguyên giá là 1.549.472.728 đồng) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Tại ngày 30/6/2016, tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 466.200.000 đồng.

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2016	01/01/2016
Nhà máy Cát	1,573,941,281	-
Cụm công nghiệp Thăng Hải I	64,239,892,648	64,171,892,648
Cụm công nghiệp Thăng Hải II	95,652,877,965	95,652,877,965
Cụm công nghiệp Tân Bình	4,319,060,519	3,631,535,154
Khu chuyên tái Lagi - Bình Thuận	(*) 66,284,893,060	66,284,893,060
Dự án Sông Dinh	220,000,000	220,000,000
<b>Cộng</b>	<b>232,290,665,473</b>	<b>229,961,198,827</b>

	Giá trị ban đầu	Giá trị đã chuyển nhượng	Tài sản thiếu chờ xử lý	Khấu hao đến 30/6/2016	Giá trị còn lại đến 30/6/2016
(*) Bao gồm:					
Quyền sử dụng đất	9,571,758,800	(7,513,659,992)	-	(297,045,189)	1,761,053,619
Vật kiến trúc trên đất, bao gồm:					
- Tài sản khu dịch vụ đất Cảng Lagi	32,033,148,574				32,033,148,574
- Tài sản khác:					
+ Liên quan đến Cảng Lagi	32,440,287,867				32,440,287,867
+ Tài sản chờ xử lý	1,450,812,461		(1,450,812,461)		-
- Chi phí xây dựng	50,403,000				50,403,000
<b>Cộng</b>	<b>75,546,410,702</b>	<b>(7,513,659,992)</b>	<b>(1,450,812,461)</b>	<b>(297,045,189)</b>	<b>66,284,893,060</b>

**10. Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2016	01/01/2016
Đầu tư vào công ty con	(*) 340,012,312,653	298,025,405,653
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(*) (1,125,753,859)	(1,125,753,859)
<b>Cộng</b>	<b>338,886,558,794</b>	<b>296,899,651,794</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Bao gồm:	Tỷ lệ	Vốn phải góp	Vốn thực góp tại 30/6/2016	Dự phòng tại ngày 30/6/2016
- Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	100%	25,000,000,000	110,893,940,403	-
- Công ty TNHH MTV BĐS và XD Bình Thuận	100%	68,000,000,000	81,000,000,000	(164,233,188)
- Công ty TNHH MTV VLXD BIDICO	100%	25,000,000,000	67,716,669,000	(651,357,762)
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp Gỗ Bình Thuận	100%	20,000,000,000	45,959,271,400	(177,208,791)
- Công ty TNHH Địa ốc Tân Bửu	94%	#####	133,500,000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Bảo Thư Gò Dầu	80%	#####	30,048,931,850	(15,251,384)
- Công ty TNHH Nông sản Việt Xanh	52%	10,400,000,000	100,000,000	(52,056,529)
- Công ty TNHH Vận tải Thăng Hải	52%	4,160,000,000	4,160,000,000	(65,646,205)
<b>Cộng</b>			<b>340,012,312,653</b>	<b>#####</b>

11. Chi phí trả trước	30/6/2016	01/01/2016
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	24,798,934	12,333,334
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí liên quan đến mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ	7,000,060,927	7,000,060,927
- Chi phí quyền khai thác khoáng sản cát tận thu tại CCN Thăng Hải 2	1,311,489,900	1,311,489,900
<b>Cộng</b>	<b>8,311,550,827</b>	<b>8,311,550,827</b>

12. Phải trả người bán ngắn hạn	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận (bên liên quan)	-	-	15,178,684,590	15,178,684,590
- Công ty TNHH MTV TM DV Đại Phát	1,168,100,000	1,168,100,000	468,100,000	468,100,000
- Phải trả cho các đối tượng khác	2,050,312,191	2,050,312,191	2,151,485,128	2,151,485,128
<b>Cộng</b>	<b>3,218,412,191</b>	<b>3,218,412,191</b>	<b>17,798,269,718</b>	<b>17,798,269,718</b>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm	
	01/01/2016	30/6/2016	01/01/2016	30/6/2016
<b>a) Phải nộp</b>				
- Thuế GTGT	7,439,155,511	828,000,000	-	8,267,155,511
- Thuế TNDN	7,994,091,908	159,731,389	3,370,000,000	4,783,823,296
- Thuế TNCN	77,524,645	51,747,616	39,190,000	90,082,261
- Tiền thuế đất	561,029,480			561,029,480
- Thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường	1,836,900,830		8,520,136	1,828,380,694
- Thuế khác	-			-
- Các khoản phạt và chậm nộp thuế	5,832,150,722		5,000,000	5,827,150,722
<b>Cộng</b>	<b>23,740,853,096</b>	<b>1,039,479,005</b>	<b>3,422,710,136</b>	<b>21,357,621,964</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b) Phải thu	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/6/2016
	- Ứng tiền làm cơ sở hạ tầng	(3,370,000,000)	-	(3,370,000,000)
- Ứng tiền thi công hệ thống đèn chiếu sáng và hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Thăng Hải	(1,000,000,000)	-	-	(1,000,000,000)
<b>Cộng</b>	<b>(4,370,000,000)</b>	<b>-</b>	<b>(3,370,000,000)</b>	<b>(1,000,000,000)</b>

14. Chi phí phải trả ngắn hạn	30/6/2016	01/01/2016
- Chi phí thi công CSHT tại KCN Thăng Hải I liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng	13,213,829,846	13,213,829,846
- Chi phí thi công CSHT tại KCN Thăng Hải II liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng	23,779,248,760	23,779,248,760
- Tiền thuê đất CCN Thăng Hải I và II phải trả	19,167,940,077	19,167,940,077
- Chi phí lãi vay phải trả	4,715,600	4,715,600
- Chi phí dịch vụ phải trả khác	3,361,270,162	109,807,700
<b>Cộng</b>	<b>59,527,004,444</b>	<b>56,275,541,983</b>

16. Phải trả ngắn hạn khác	30/6/2016	01/01/2016
- Thừa chờ xử lý	183,912,422	-
- Bảo hiểm bắt buộc phải nộp	45,618,270	-
- Khoản tiền mượn từ Công ty Vận tải Thăng Hải	3,310,000,000	-
- Phải trả Bà Nguyễn Thị Mai liên quan đến khoản tiền mượn	3,212,454,183	2,287,923,537
- Phải trả Công ty CP SX XNK Ánh Lửa Việt	100,000,000	100,000,000
- Thuế GTGT phải nộp bổ sung liên quan đến phần diện tích đất đã cho thuê tại KCN Thăng Hải I	1,293,041,952	1,293,041,952
- Thuế GTGT phải nộp bổ sung liên quan đến phần diện tích đất đã cho thuê tại KCN Thăng Hải II	6,803,933,715	6,803,933,715
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3,102,613,876	3,151,573,258
<b>Cộng</b>	<b>18,051,574,418</b>	<b>13,636,472,461</b>

16. Vay và nợ thuế tài chính

a) Vay ngắn hạn	01/01/2016		Trong năm		30/6/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Phần ngắn hạn của khoản nợ vay dài hạn	1,653,912,000	-	-	-	4,379,740,000	4,379,740,000
<b>Cộng</b>	<b>1,653,912,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4,379,740,000</b>	<b>4,379,740,000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	01/01/2016		Trong năm		30/6/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	303,200,000	303,200,000	-	51,040,000	252,160,000	252,160,000
- NH TMCP Phát triển TP.HCM	8,003,894,079	8,003,894,079	-	8,003,894,079	-	-
- NH TMCP XNK Việt Nam	458,000,000	458,000,000	-	55,200,000	402,800,000	402,800,000
- NH TMCP Sài Gòn (SCB)			#####	-	20,165,100,000	20,165,100,000
- Phần ngắn hạn của khoản nợ vay dài hạn	(1,653,912,000)	(1,653,912,000)			(4,379,740,000)	(4,379,740,000)
<b>Cộng</b>	<b>7,111,182,079</b>	<b>7,111,182,079</b>	<b>#####</b>	<b>8,110,134,079</b>	<b>16,440,320,000</b>	<b>16,440,320,000</b>

**17. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	01/01/2015	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	31/12/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	328,000,000,000	248,800,000,000		576,800,000,000
LNST chưa phân phối	42,209,298,925	9,764,886,860	32,800,000,000	19,174,185,784
<b>Cộng</b>	<b>370,209,298,925</b>	<b>258,564,886,860</b>	<b>32,800,000,000</b>	<b>595,974,185,784</b>

	01/01/2016	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	30/6/2016
Vốn góp của chủ sở hữu	576,800,000,000			576,800,000,000
LNST chưa phân phối	19,174,185,784	638,925,555		19,813,111,339
<b>Cộng</b>	<b>595,974,185,784</b>	<b>638,925,555</b>	<b>-</b>	<b>596,613,111,339</b>

**b) Cổ phiếu**

	30/6/2016	01/01/2016
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57,680,000	57,680,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57,680,000	57,680,000
+ Cổ phiếu phổ thông	57,680,000	57,680,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57,680,000	57,680,000
+ Cổ phiếu phổ thông	57,680,000	57,680,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

Ngoại tệ các loại:	30/6/2016	01/01/2016
- USD	<u>455.34</u>	<u>455.34</u>
Nợ khó đòi đã xử lý	<u>1,434,533,208</u>	<u>1,434,533,208</u>

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016 (Thời kỳ này)	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015 (Thời kỳ trước)
<b>1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán hàng hoá	8,280,000,000	11,395,363,636
- Doanh thu hoạt động cho thuê đất	-	42,630,631,752
<b>Cộng doanh thu</b>	<u>8,280,000,000</u>	<u>54,025,995,388</u>
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Cộng</b>	<u>8,280,000,000</u>	<u>54,025,995,388</u>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	3,272,012,462	4,140,344,238
- Giá vốn hoạt động cho thuê đất	-	15,318,148,214
<b>Cộng</b>	<u>3,272,012,462</u>	<u>19,458,492,452</u>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	3,863,363	2,641,793
- Lãi cho vay	-	120,000,000
<b>Cộng</b>	<u>3,863,363</u>	<u>122,641,793</u>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Chi phí lãi vay	140,683,840	796,068,022
- Dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty Con	-	575,469,355
- Chênh lệch tỷ giá	25,146	-
- Chi phí tài chính khác	78,742,446	-
<b>Cộng</b>	<u>219,451,432</u>	<u>1,371,537,377</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Chi phí nhân viên quản lý	1,501,093,287	1,127,387,042
- Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	38,639,166	59,792,050
- Chi phí khấu hao TSCĐ	141,095,801	230,658,298
- Thuế, phí và lệ phí	4,136,000	7,604,601
- Chi phí dự phòng	-	2,107,838,740
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,849,646,605	1,951,070,968
- Chi phí khác bằng tiền	449,131,665	786,088,483
<b>Cộng</b>	<b>3,983,742,524</b>	<b>6,270,440,182</b>
<b>6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	38,639,166	158,155,350
- Chi phí nhân công	1,501,093,287	1,226,747,042
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	141,095,801	604,688,061
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,849,646,605	3,696,296,968
- Chi phí khác bằng tiền	453,267,665	1,013,321,811
<b>Cộng</b>	<b>3,983,742,524</b>	<b>6,699,209,233</b>
<b>7. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	Thời kỳ này	Năm nay
Lợi nhuận kế toán trước thuế	798,656,944	9,644,151,657
Các khoản chi phí không được trừ		7,592,160,318
<b>Thu nhập tính thuế ước tính</b>	<b>798,656,944</b>	<b>17,236,311,975</b>
Thuế suất	20%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>159,731,389</b>	<b>3,791,988,634</b>

**VII. Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính**

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

Trong thời kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bidico	Công ty con	Nhận cung cấp dịch vụ	(3,251,462,462)
		Bán hàng hóa	8,280,000,000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Công ty TNHH MTV BDS và XD Bình Thuận	Công ty con	Phải thu khác	210,145,771
Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bídico	Công ty con	Người mua trả trước Phải thu khác	(5,308,343,287) 13,363,497,810
Công ty TNHH MTV VLXD Bídico	Công ty con	Phải thu khác	1,468,253,318
Công ty TNHH Công nghiệp Gỗ Bình Thuận	Công ty con	Phải thu khác	93,249,850
Công ty TNHH Vận tải Thăng Hải	Công ty con	Phải thu khác Phải trả khác	40,194,500 (3,310,000,000)
Bà Nguyễn Thị Mai	Nhà đầu tư	Phải trả khác	(3,212,454,183)

**3. Các cam kết**

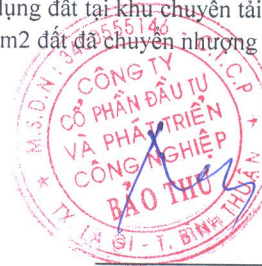
Công ty cam kết thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để chuyển quyền sử dụng đất tại khu chuyển tải Lagi đến Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Bình Thuận liên quan đến 35.000 m<sup>2</sup> đất đã chuyển nhượng trong năm 2010.



Lê Thị Mai Chi  
Người lập biểu



Trần Thanh Sơn  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 7 năm 2016